TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ	*Tp. Kon Tum, ngày 04 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch – Phó giám đốc Ngân hàng C - Chi nhánh Kon Tum.

2. Anh Trần Anh V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 262 H, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D thống nhất tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn chưa chia gồm: 01 căn nhà cấp 4, nhà vệ sinh, 01 giếng khoan và đất

tại thôn Đ, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum thuộc thửa đất số 487, tờ bản đồ số 13, diện tích 318,7 m^2 (trong đó, có 20m^2 đất ở, 298,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 255847 do UBND thành phố Kon Tum cấp ngày 16/7/2013 mang tên bà Nguyễn Thị Th và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Honda, biển số 82B1-343.93. Tổng cộng giá trị tài sản chung là 241.938.000 đồng.

Về nợ chung: Anh D và chị Th nợ 4.000.000 đồng của anh Trần Anh V và nợ Ngân hàng C – Chi nhánh Kon Tum 12.000.000 đồng tiền gốc. Các đương sự thống nhất tài sản chia đôi mỗi bên được hưởng 120.969.000 đồng và chia đôi công nợ. Anh Trần Văn D được nhận tài sản bằng hiện vật, chị Nguyễn Thị Th nhận tài sản giá trị bằng tiền.

Giao cho anh Trần Văn D được quyền sở hữu và sử dụng 01 căn nhà cấp 4, nhà vệ sinh, 01 giếng khoan và đất tại thôn Đ, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum thuộc thửa đất số 487, tờ bản đồ số 13, diện tích 318,7m^2(trong đó, có 20m^2 đất ở, 298,7m^2 đất trồng cây hàng năm khác) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 255847 do UBND thành phố Kon Tum cấp ngày 16/7/2013 mang tên bà Nguyễn Thị Th. Trị giá đất và tài sản trên đất là 227.809.000 đồng.

Giao cho anh Trần Văn D sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Honda, biển số 82B1-343.93 trị giá 14.129.000 đồng.

Anh Trần Văn D được nhận tổng giá trị tài sản chung là 241.938.000 đồng.

Anh Trần Văn D phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 128.969.000 đồng *(Một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).*

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Nguyễn Thị Th phải trả nợ cho Ngân hàng C - Chi nhánh Kon Tum số tiền 12.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 04/3/2020 là 104.400 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có sự thỏa thuận về mức

lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả cho anh Trần Anh V số tiền 4.000.000 đồng, nếu chị Th không trả nợ cho anh V thì anh V có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Th thực hưởng về tài sản là 112.969.000 đồng. Anh Trần Văn D thực hưởng về tài sản là 112.969.000 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.700.000 đồng. Anh Trần Văn D và chị NguyễnThị Th mỗi người phải chịu 1.850.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.700.000 đồng, nên anh Trần Văn D phải hoàn trả lại cho chị NguyễnThị Th tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 1.850.000 đồng *(một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1,3 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 3.024.225 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng án phí 3.250.000 đồng theo biên lai số 0002010 ngày 02- 12- 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Th được hoàn trả lại số tiền 225.775 đồng.

Anh Trần Văn D phải chịu 3.024.225 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp Kon Tum;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hường